

Bản án số: 11/2018/HS-PT
Ngày 17-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương, Bà Hoàng Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị kim Trúc - Kiểm sát viên.

Từ ngày ngày 16 tháng 4 đến ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 05/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 2 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 176/2017/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 14/4/1967, tại huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Trú tại: Số nhà 21, tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1941; con bà Trần Thị H, sinh năm: 1951; chồng là Nguyễn Kim L (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến ngày 13/10/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1958; trú tại: Tổ 27, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu T, là người trực tiếp quản lý, kinh doanh nhà nghỉ Thùy T (tại tổ 9, phường T, thành phố T) do chồng là ông Bùi Hồng T đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký

hộ kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh, ngày 11/8/2017, do bận việc gia đình nên bà T nhờ Nguyễn Thị K trông coi, quản lý nhà nghỉ.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi K đang ở nhà nghỉ thì Nguyễn Đức A và Lê Ngọc Đ đến, Đức A hỏi K: “*có nhân viên không*” (tức là có gái bán dâm không), K trả lời: “*Có mỗi đứa lễ tân thôi*”. Đức A hỏi: “*Lễ tân có đi khách không*”. K trả lời: “*Không biết, hỏi nó xem nó có đi không*”. Sau đó K hỏi T đang ngồi bên cạnh: “*Có đi khách không*”(Thào Thị Vân T, sinh năm 1989, là lễ tân nhà nghỉ), T nói: “*Đi thì đi*”. Ngay lúc đó có người con gái tên là H (Trương Thị H, không xác minh được tuổi, địa chỉ nơi ở của H), mới đến nhà nghỉ từ tối 10/8/2017 đi từ phòng 204 ra ngoài hành lang, Đức A hỏi K: “*Em kia thì sao*”, K trả lời: “*Đứa đấy cô không biết đâu, vào hỏi nó xem*”. Đức A và Đ liền hỏi H và T về việc mua bán dâm, T và H đồng ý. T có hỏi Đức A: “*Đã trả tiền chưa, số tiền 200.000đ/người/lần mua bán dâm*”. Đức A liền đưa cho T số tiền 400.000đ (nói trả luôn tiền mua dâm cho Đ). T đưa toàn bộ số tiền cho K tại cầu thang tầng 1; T cầm số tiền 400.000đ đi ra ngoài quây lễ tân. T cùng Đức A vào phòng 203 mua bán dâm, Đ cùng H vào phòng 204 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Quá trình mua bán dâm, Đức A đưa thêm cho T 100.000đ và Đ đưa thêm cho H số tiền 100.000đ để T, H dùng miệng kích dục cho Đức A và Đ trước khi giao cấu.

Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, khi T và Đức A, H và Đ đang chuẩn bị quan hệ tình dục thì bị tổ công tác Công an thành phố T tiến hành kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ toàn bộ tang vật liên quan đến vụ án gồm: 01 bao cao su Condom Hualei còn nguyên vẹn tại phòng 203, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei đã bị xé rách và 01 bao cao su đã qua sử dụng tại phòng 204, tạm giữ số tiền 400.000đ do Nguyễn Thị K giao nộp. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét tại nhà nghỉ Thùy T thu giữ: 08 hộp bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei, 06 bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei (đều chưa sử dụng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 176/2017/HSST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị K 01 (Một) năm tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến ngày 13/10/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm đã

xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt mức án 01 năm tù là đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, biết khách đến hỏi mua bán dâm, biết T và H bán dâm cho khách nhưng vẫn đồng ý, chứa chấp cho nhân viên phục vụ lễ tân tự thỏa thuận mua bán dâm với khách và có thu tiền phòng nghỉ sau mỗi lần khách mua bán dâm. Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình 01 Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và có đơn xin được hưởng án treo có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T với nội dung “*Bản thân kém hiểu biết về pháp luật, nên nghe theo lời bà chủ để cho khách vào mua bán dâm ở nhà nghỉ, vì gia đình hoàn cảnh khó khăn, chồng đã chết, bản thân là lao động chính...*”. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Bộ luật hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 327; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị K 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là 24 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Bị cáo có ý kiến tranh luận nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi từ nội dung kháng cáo kêu oan, sang nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo chỉ là người làm thuê, trông coi nhà nghỉ giúp Nguyễn Thị Thu T chủ nhà nghỉ và được chủ nhà nghỉ trả tiền công 3.000.000đ/ tháng; bị cáo chỉ làm theo lời dặn của chủ nhà nghỉ, không được bàn bạc thỏa thuận gì với khách đến nghỉ mua dâm, việc mua dâm là do nhân viên lễ tân tự thỏa thuận với khách, bị cáo chỉ thu tiền phòng giúp chủ nhà nghỉ; gia đình bị cáo quá khó khăn, chồng chết cách đây 4 năm, một mình phải nuôi hai con, bản thân là lao động chính trong gia đình. Trong quá trình xét hỏi, ban đầu bị cáo khai báo quanh co, nhưng sau đó bị cáo đã thành khẩn khai nhận: Khi trông coi nhà nghỉ bị cáo đã được Nguyễn Thị Thu T chủ nhà nghỉ thống nhất nếu có khách đến mua dâm thì để cho T và H tự thỏa thuận với khách mua dâm, bị cáo chỉ thu tiền phòng nghỉ là 50.000đ/ trên một lượt khách. Trong ngày 11/8/2017, khi Đức A và Đ vào nhà nghỉ hỏi bị cáo K và T: “*Có đi khách không*”, T trả lời: “*Đi thì đi*”, bị cáo biết rõ là Đức A và Đ hỏi mua bán dâm với T và H tại nhà nghỉ, nhưng bị cáo K vẫn đồng ý, chấp nhận cho Đức A và Đ cùng T, H mua bán dâm tại nhà nghỉ và có thu số tiền 400.000đ của Đức A và Đ

đến mua bán dâm. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Hồi 21 giờ 15 phút ngày 11/8/2017, tại nhà nghỉ Thùy T (thuộc tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang), bị cáo Nguyễn Thị K, được Nguyễn Thị Thu T giao trông coi, quản lý nhà nghỉ đã thực hiện hành vi chứa chấp cho Thảo Thị Vân T bán dâm cho Nguyễn Đức A và Trương Thị H bán dâm cho Lê Ngọc Đ tại phòng nghỉ số 203 và 204 với tổng số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa gia đình và xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù, về tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ hoàn cảnh là người lao động làm thuê cho chủ nhà nghỉ, với công việc là trông coi, quản lý, quét dọn nhà nghỉ phục vụ khách trong một thời gian ngắn; lợi dụng công việc chủ nhà nghỉ giao trông coi, quản lý, nhưng vì động cơ vụ lợi bị cáo đã thực hiện hành vi chứa mại dâm, cho T và H bán dâm cho Đ và Đức A tại hai phòng nghỉ số 203, số 204; nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự; trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo, tại giai đoạn phúc thẩm tự nguyện thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ thể hiện sự ăn năn hối cải; gia đình bị cáo khó khăn (Chồng chết, phải nuôi hai con, là lao động chính, bị cáo là phụ nữ, tuổi đã ngoài 50 tuổi); bố đẻ bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; đơn xin hưởng án treo của bị cáo có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4]. Xét bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị K, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 176/2017/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 327; điểm x khoản 1 Điều 51; Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị K 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, về tội “Chứa mại dâm”; thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị K cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. (Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự).

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị K đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0000433 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP T;
- VKSND TP T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP T;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hùng**

Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Thanh Hương**, Bà **Hoàng Thị Minh K.**

Căn cứ vào các Điều 326, 344, 345 và Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi.....giờ 30 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Nguyễn Thị K, phạm tội Chứa mại dâm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

1. Căn cứ áp dụng: Căn cứ điểm e, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị K, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 176/2017/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.

- Các thẩm phán nhất trí, chủ tọa phiên tòa nhất trí, biểu quyết 3/3

2. Điều luật và mức hình phạt áp dụng: Khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 327; điểm x khoản 1 Điều 51; Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị K 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, về tội “Chứa mại dâm”; thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị K cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. (Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự).

- Các thẩm phán nhất trí, chủ tọa phiên tòa nhất trí, biểu quyết 3/3

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị K đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0000433 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

- Các thẩm phán nhất trí, chủ tọa phiên tòa nhất trí, biểu quyết 3/3

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng thị Minh K Nguyễn Thanh Hương Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng thị Minh K Nguyễn Thanh Hương Nguyễn Minh Hùng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hùng